

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-PT  
Ngày: 15-01-2025  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Triều

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08, 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 562/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 690/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Duy H – sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Chị Trần Thị T – sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Chị Trần Lệ D – sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Thị L – sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị Tuyết .

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

*\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hoà giải nguyên đơn anh Nguyễn Duy H trình bày:*

Ngày 27/8/2023, anh có cho chị T mượn số tiền 165.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất theo Ngân hàng là 1,2%/tháng, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng tức đến ngày 20/9/2023 thì chị T sẽ trả cho anh toàn bộ số tiền vốn, chị T có viết và ký nhận nợ cho anh, thời điểm chị T viết giấy nhận nợ cho anh thì không có mặt chị D như theo tự khai của chị D.

Sau khi vay tiền chị T không có trả vốn và lãi cho anh, hiện nay chị T còn nợ anh số tiền vốn gốc là 165.000.000 đồng.

Nay anh khởi kiện yêu cầu chị T trả cho anh số tiền vốn 165.000.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, anh không yêu cầu chị T trả lãi đối với số tiền nêu trên.

Đối với ý kiến của chị D cho rằng chị T và chị D cùng mượn nợ anh số tiền vốn 95.000.000 đồng là hoàn toàn không có. Lúc trước, chị D có vay của anh số tiền 30.000.000 đồng và chị D đã trả hết, anh cũng đã xé bỏ biên nhận, chị D hoàn toàn không có vay số tiền 40.000.000 đồng của anh. Tính đến thời điểm hiện nay thì chị D không còn nợ tiền của anh.

*\* Theo bản tường trình, các biên bản hoà giải bị đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Chị nhiều lần vay tiền của anh H chứ không phải vay 01 lần 165.000.000 đồng như anh H trình bày, chị không nhớ thời gian của từng lần vay tiền, chị vay của anh H 05 lần cụ thể: 02 lần mỗi lần vay 10 triệu đồng, 02 lần mỗi lần vay 15 triệu đồng, 01 lần 05 triệu đồng, và 01 lần 40 triệu đồng trong đó lần 40 triệu đồng là do cháu của chị tên Trần Lê D đứng ra vay dùm chị, mỗi lần vay tiền chị đều có ký nhận nợ và lấn tay, lãi suất vay 15%/tháng, hai bên thỏa thuận trả lãi hàng tháng cho đến khi trả dứt điểm số tiền vốn chứ không thỏa thuận thời hạn vay cụ thể.

Chị và cháu của chị đã đóng lãi với mức lãi suất 15%/tháng từ năm 2022 cho đến tháng 7/2023 thì ngưng, mỗi tháng đóng lãi là 14.250.000 đồng, tổng số tiền lãi chị đã đóng cho anh H là 171.000.000 đồng, chị đưa tiền mặt để đóng tiền lãi cho anh H và khi đóng lãi thì hai bên không có làm biên nhận.

Do chị ngưng đóng lãi nên anh H nhiều lần gọi điện thoại đe dọa buộc chị xuống nhà của anh H viết biên nhận nợ với số tiền 165.000.000 đồng, biên nhận ngày 27/8/2023 mà anh H cung cấp cho Tòa án là do chị viết, ký tên và lấn tay, thời điểm chị viết biên nhận nợ có cháu của chị tên Trần Lệ D chứng kiến, khi viết biên nhận nợ có vợ của anh H dùng chổi đánh chị và cháu của chị để bắt chị viết biên nhận nợ, sau khi viết biên nhận ngày 27/8/2023 cho anh H thì chị không có báo Công an về việc vợ chồng anh H ép buộc chị viết ký nhận nợ. Biên nhận với số tiền 165.000.000 đồng trong đó có 95.000.000 đồng tiền vốn và 70.000.000 đồng tiền lãi.

Thực tế chị nợ của anh H số tiền vốn vay là 95.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho H số tiền vốn 95.000.000 đồng, trong thời gian 03 tháng chị sẽ trả dứt điểm số tiền nợ, số tiền lãi mà chị đã đóng cho anh H trước đây thì chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*\* Theo bản tự khai ngày 29/7/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Lệ D trình bày:*

Thời gian trước đây chị có vay của anh H số tiền 40.000.000 đồng, giấy cho vay tiền anh H ghi rồi đưa chị ký tên và lấn tay, anh H là người giữ biên nhận nợ. Đến thời gian đóng lãi không nổi nữa thì anh H nhiều lần tới nhà la lối, đập phá nhà của chị và hăm dọa giết chết gia đình chị và cho đàn em chọi đá nhà chị và chị có báo Công an xã lập biên bản và mời anh H làm việc. Do trước đó anh H đe dọa nếu không xuống làm giấy thì anh H sẽ lên quậy chị và chị T nên chị và chị T xuống nhà để nói chuyện thì vợ anh H lấy chổi quét nhà đánh vào đầu của chị và chị T. Trong lúc đó, anh H ép chị T phải ký giấy 95.000.000 đồng tiền vốn cộng thêm tiền lãi bắt ghi giấy 165.000.000 đồng. Một thời gian sau, khi đi trên đường anh H gặp chị đang chạy xe thì đón chị, hành hung chị, sau đó chị đóng cho anh H 10.000.000 đồng và tiếp đó đóng thêm 2.000.000 đồng.

*\* Theo bản tường trình ngày 17/7/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị hoàn toàn không có gặp chị T và ép buộc chị T viết giấy nợ như chị T đã trình bày. Chị cam đoan chị không liên quan đến vụ việc chị T vay mượn tiền của chồng chị là anh H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 142/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy H đối với chị Trần Thị Tuyết .

Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền vay 165.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm trả số tiền nêu trên thì chị T còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại anh H số tiền 4.125.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0011435 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/9/2024 bị đơn Trần Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả số tiền 165.000.000 đồng cho anh Nguyễn Duy H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị T không đồng ý trả số tiền 165.000.000 đồng cho anh H, nhận thấy; Căn cứ giấy cam kết nợ ngày 27/8/2023 ghi nợ 165.000.000 đồng không thể hiện có tiền lãi cộng vốn, chị T cho rằng bà bị anh H đe dọa, bắt ép chị viết giấy cam kết nợ. Xét lời trình bày của bị đơn không có cơ sở vì chị T không chứng minh chị bị bắt ép, đe dọa viết giấy cam kết nợ . Đồng

thời, phía nguyên đơn anh Nguyễn Duy H không thừa nhận, mà chị T không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị T thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định; Trong năm 2023 anh Nguyễn Duy H có cho chị Trần Thị T vay số tiền 165.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 1,2%/tháng, thời hạn đến 20/9/2023. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là biên nhận ngày 27/8/2023. Phía bị đơn Trần Thị T thừa nhận có viết giấy cam kết nợ ngày 27/8/2023. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị T xác lập hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật.

Theo thỏa thuận đến ngày 20/9/2023 chị T có nghĩa vụ trả số tiền vốn cho anh D1 nhưng chị T không thực hiện việc trả vốn và lãi theo thỏa thuận, mặc dù phía anh D1 đã nhiều lần đòi. Do đó, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với anh D1 nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị T trả số tiền vốn 165.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị T, nhận thấy:

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay giữa anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị T, thấy rằng:

Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2023 tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Chị T thừa nhận giấy cam kết nợ ngày 27/8/2023 do chị T viết và ký tên nên có cơ sở xác định chị T còn nợ anh H số tiền 165.000.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị T cho rằng chị chỉ vay của anh H số tiền 95.000.000 đồng vốn. Giấy cam kết nợ ngày 27/8/2023 ghi nợ 165.000.000 đồng trong đó 95.000.000 đồng vốn, 70.000.000 đồng tiền lãi do anh H đe dọa, bắt ép chị

viết giấy cam kết nợ, nên chị không đồng ý trả số tiền 165.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bị đơn không có cơ sở vì chị T không chứng minh được việc chị bị anh H ép buộc, đe dọa viết giấy cam kết nợ và không có tài liệu nào chứng minh trong số tiền nợ 165.000.000 đồng có tiền lãi cộng vốn ( 95.000.000 đồng vốn + 70.000.000 đồng tiền lãi). Đồng thời, phía nguyên đơn anh Nguyễn Duy H không thừa nhận, mà chị T không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của chị T là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

***Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị Tuyết. Giữ y bản án sơ thẩm số 142/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.***

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy H đối với chị Trần Thị Tuyết .

Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền vay 165.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm trả số tiền nêu trên thì chị T còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011712 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Chị T phải chịu 8.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại anh H số tiền 4.125.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0011435 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc ngày 15/01/2025 có mặt anh H, chị T, đại diện Viện kiểm sát./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diệp Thúy**